

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST

Ngày: 04 – 01 – 2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Xông Pha

2. Bà Lê Trường An

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thúy Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 733/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 534/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm: 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã KBĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- **Bị đơn:** Chị Nguyễn Hoa M, sinh năm: 1976 (xin vắng mặt).

Anh Trương Hoàng G (Vấn), sinh năm: 1968 (vắng mặt).

Chị Trương Mai H1 (Như), sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Anh Võ Đăng Kh, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã KBĐ, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 30/8/2023, chị Lê Thị H trình bày: Ngày 25/3/2019 âm lịch, chị Nguyễn Hoa M, anh Trương Hoàng G, chị Trương Mai H1, anh Võ Đăng Kh có hỏi vay của chị số tiền 140.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng. Cùng ngày, những người này tiếp tục hỏi vay của chị số tiền

70.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, đồng thời có làm biên nhận nợ vay cho chị giữ.

Sau khi vay được tiền của chị thì đến ngày 29/5/2019, cả gia đình chị M bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ. Đến ngày 19/8/2023, gia đình chị M trở về địa phương có năn nỉ, hứa hẹn trả nợ nhưng không thực hiện. Vì vậy, chị yêu cầu chị M, anh G, chị H1 và anh Kh phải trả cho chị 210.000.000đ tiền gốc; 181.272.000đ tiền lãi.

Trong biên bản hòa giải ngày 22/9/2023, chị Lê Thị H yêu cầu chị Nguyễn Hoa M, anh Trương Hoàng G, chị Trương Mai H1, anh Võ Đăng Kh phải có nghĩa vụ trả cho chị 210.000.000đ tiền gốc. Ngoài ra, chị không còn yêu cầu khoản nào khác.

* Trong biên bản hòa giải ngày 22/9/2023, chị Nguyễn Hoa M thừa nhận có vay số tiền gốc 210.000.000đ như lời trình bày của chị Lê Thị H là đúng. Quá trình vay đến nay vẫn chưa trả lại gốc và lãi cho chị H. Nay chị thống nhất trả cho chị H số tiền gốc 210.000.000đ, phân lãi chị xin được miễn cho chị. Do chị đi làm ăn xa nên chị xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

* Đối với anh Trương Hoàng G, chị Trương Mai H1, anh Võ Đăng Kh vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Loại việc các bên tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc vắng mặt của anh Trương Hoàng G, chị Trương Mai H1, anh Võ Đăng Kh: Mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập đến phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần thông qua người thân nhận thay là bà Bùi Thị Xuyên và chị Nguyễn Hoa M nhưng anh G, chị H1, anh Kh đều vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh G, chị H1, anh Kh theo quy định.

Về việc đề nghị vắng mặt của chị Lê Thị H và chị Nguyễn Hoa M: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H và chị M theo quy định.

[2] Về nội dung: Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ biên nhận nợ ngày 25/3/2019 và sự thừa nhận của chị Nguyễn Hoa M trong biên bản hòa giải ngày 22/9/2023 thể hiện: Chị Nguyễn Hoa M, anh Trương Hoàng G, chị Trương Mai H1, anh Võ Đăng Kh có

vay của chị Lê Thị H tổng số tiền gốc 210.000.000đ đến nay chưa thanh toán. Nay đã phát sinh tranh chấp nên được chấp nhận làm cơ sở thanh lý hợp đồng.

[3] Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Mặc dù theo tường trình của chị H1 và anh Kh cho rằng khoản nợ này do chị M trực tiếp giao dịch và nhận tiền, anh chị không biết nhưng thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ; còn giữa anh G và chị M là vợ chồng, đang sống chung, sinh hoạt chung, biên nhận nợ cũng có chữ ký của anh G. Do vậy, buộc chị M, anh G, chị H1, anh Kh phải có nghĩa vụ trả nợ cho chị H số tiền gốc 210.000.000đ là có căn cứ. Việc anh G, chị H1, anh Kh không tham gia phiên toà để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì các anh, chị phải tự gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh hoặc chứng minh không đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

[4] Đối với mức lãi suất các bên thỏa thuận 3%/tháng và 5%/tháng là cao so với quy định của pháp luật nhưng các bên không xác định được số tiền lãi đã trả và đã nhận là bao nhiêu, đồng thời quá trình hòa giải, các đương sự không đặt ra yêu cầu điều chỉnh lãi, đồng thời nguyên đơn chỉ yêu cầu các bị đơn trả lại số tiền gốc đã vay, vì thế, không có cơ sở để xem xét điều chỉnh lãi là phù hợp.

[5] Về thời gian thanh toán nợ: Chị H yêu cầu chị M, anh G, chị H1, anh Kh thanh toán nợ cho chị dứt điểm một lần. Xét thấy, thời gian và phương thức thanh toán nợ thuộc thẩm quyền của Cơ quan thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cà Mau xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án nên không đề cập giải quyết là phù hợp.

[6] Do phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho chị H nên buộc chị M, anh G, chị H1, anh Kh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Chị H không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- ***Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;***
- ***Căn cứ các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;***
- ***Căn cứ các Điều 27; 37 của Luật hôn nhân và gia đình;***
- ***Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.***

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H – buộc chị Nguyễn Hoa M, anh Trương Hoàng G (Văn), chị Trương Mai H1 (Như), anh Võ Đăng Kh có nghĩa vụ thanh toán cho chị H tổng số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc chị Nguyễn Hoa M, anh Trương Hoàng G (Văn), chị Trương Mai H1 (Như), anh Võ Đăng Kh phải chịu 10.500.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Chị Lê Thị H không phải chịu án phí, ngày 30/8/2023, chị H đã nộp tạm ứng án phí 9.782.000đ theo biên lai số: 7332 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Lê Thị H, chị Nguyễn Hoa M, anh Trương Hoàng G, chị Trương Mai H1, anh Võ Đăng Kh được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải